**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**LỚP 6 (PHÂN MÔN ĐỊA LÍ)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu****(TL)** | **Vận dụng****(TL)** | **Vận dụng cao****(TL)** |
| **1** | KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ (Chiếm 10%-Đã kiểm tra giữa HKII, 0,5 điểm) | – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí– Các khối khí. Khí áp và gió– Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu– Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó | **Nhận biết**– Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu;– Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.– Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.– Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. | 2TN\* |  |  |  | 5% |
| **2** | NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT(Chiếm 10%-Đã kiểm tra giữa HKII, 0,5 điểm) | – Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển– Vòng tuần hoàn nước– Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ– Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển– Nước ngầm và băng hà | **Nhận biết**– Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.– Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.– Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.– Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.– Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển (khái niệm; hiện tượng thủy triều; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới). | 2TN\* |  |  |  |  |
| **2** | ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT(Chiếm 50%-2.5 điểm) | – Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất– Các nhân tố hình thành đất– Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất– Sự sống trên hành tinh– Sự phân bố các đới thiên nhiên– Rừng nhiệt đới | **Nhận biết**– Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.– Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.– Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.**Thông hiểu**– Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.– Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.**Vận dụng**– Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.**Vận dụng cao**– Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. | 6TN\* | 1 TL\* | 1 TL (a)\* | 1TL(b)\* | 25% |
| **3** | CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN(Chiếm 40%-2,0 điểm) | – Dân số thế giới– Sự phân bố dân cư thế giới– Con người và thiên nhiên– Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.– Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.– Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.**Thông hiểu**– Giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.**Vận dụng**– Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người (tác động đến đời sống sinh hoạt của con người; tác động đến sản xuất).**Vận dụng cao**– Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất (tác động tích cực; tác động tiêu cực).– Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương. | 6TN\* | 1 TL\* | 1 TL (a)\* | 1 TL(b)\* | 20% |
| ***Số câu/Loại câu*** |  |  | ***8TN*** | ***1TL*** | ***1TL (a)*** | ***1TL(b)*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ %** |  |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** | **50** |

 **Lưu ý:**

 *-* Tỉ lệ điểm của chủ đề A + chủ đề B + ....+ cộng chủ đề n = 50% tổng điểm (tương đương 5,0 điểm).

 - Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết.

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II - MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6**

**Phân môn: Địa lí**

**Phân môn địa lí**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

**Chọn phương án đúng nhất**

**Câu 1.** Càng lên cao, nhiệt độ

A. giảm . B. tăng .

C. không đổi . D. biến động .

**Câu 2.** Chi lưu là gì?

A. Các con sông đổ nước vào con sông chính và sông phụ.

B. Diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông.

C. Các con sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính.

D. Lượng nước chảy tạo ra mặt cắt ngang lòng ở con sông.

**Câu 3.** Các thành phần chính của đất là

A. cơ giới, không khí, hạt khoáng và mùn.

B. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.

C. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

D. không khí, nước, chất hữu cơ và hạt khoáng.

**Câu 4.** Mỗi bán cầu gồm có các đới thiên nhiên nào sau đây?

A. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.

B. Hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.

C. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

D. Hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

**Câu 5.** Đất đỏ vàng nhiệt đới chủ yếu tập trung ở khu vực nào?

A. Đới nóng B. Đới lạnh

C. Đới ôn hòa D. Trên toàn bộ Trái Đất

**Câu 6. Đới nóng nằm trong khoảng phạm vi nào?**

**A. từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam B. từ hai đường chí tuyến đến hai vòng cực**

**C. từ hai vòng cực đến hai cực D. từ hai đường chí tuyến đến hai cực**

**Câu 7.** Dân cư thường tập trung đông ở khu vực nào sau đây?

A. Miền núi. B. Vùng đồng bằng, ven biển.

C. Các thung lũng. D. Hoang mạc và vùng cực.

**Câu 8.** Đô thị Tô-ky-ô thuộc quốc gia nào dưới đây?

A. Trung Quốc. B. Hàn Quốc. C. Nhật Bản. D. Ấn Độ.

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1:** *(1,5 điểm)*Em hãy trình bày ảnh hưởng đến sự hình thành đất củacác nhân tố: đá mẹ, khí hậu, sinh vật?

**Câu 2.** *(1,5 điểm)*

a. Thiên nhiên tác động như thế nào đến sản xuất?

b. Lấy một ví dụ cụ thể về các biện pháp khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên?

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần Địa lí**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | B | C | D | A | D | A | B | C |

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu**  | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Ảnh hưởng của các nhân tố hình thành đất** - Đá mẹ: nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng, quy định màu sắc, tính chất của đất.- Khí hậu: điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn cho quá trình phân giải các chất khoáng, chất hữu cơ trong đất- Sinh vật: Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ, là nhân tố trong quá trình phong hóa đá mẹ. | 0,5 0,5 0,5  |
| **2** | **a. Thiên nhiên tác động như thế nào đến sản xuất**- Tích cực:Vd: + Điều kiện tự nhiên thuận lợi: dân cư đông đúc + Tài nguyên thiên nhiên phong phú: thuận lợi để phát triển sản xuất, kinh tế.- Hạn chế: Vd: + Thiên tai + Tài nguyên**b. Ví dụ cụ thể về các biện pháp khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên*****\* Khai thác đảm bảo phát triển bền vững***Vd: + Khai thác khoáng sản hợp lí, tiết kiệm, có kế hoạch + Sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...) ....***\* Khai thác đi đôi với việc sử dụng khoa học công nghệ***Vd: sản xuất được các sản phẩm trái mùa... |  0,5 0,5 **0,5** |
| **Tổng** |  | **3,0** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ (PHÂN MÔN ĐỊA LÍ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu. – Xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga).– Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. – Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới nóng; đới lạnh; đới ôn hòa.**Thông hiểu**– Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu: khu vực đồng bằng, khu vực miền núi. – Phân tích được đặc điểm phân hoá khí hậu: phân hóa bắc nam; các khu vực ven biển với bên trong lục địa.– Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.**Vận dụng**– Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.**Vận dụng cao****Nêu được dẫn chứng mối quan hệ VN với EU** | 5 TN |  |  |  |
| – Đặc điểm tự nhiên |  |  |  |  |
| – Đặc điểm dân cư, xã hội |  |  |  |  |
|  |  | – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên |  | 1,0TL |  |  |
|  |  | – Khái quát về Liên minh châu Âu (EU) |  |  | 1,0TL | 0,5 TL |
|  | **Châu Á****(3 tiết): 25%-1,5 điểm**  | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Á | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.– Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.– Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.**Thông hiểu**– Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. | 3TN | 0,5 TL |  |  |
| **Tổng** |  | **8 câu TNKQ** | **1 câu TL**  | **1 câu TL** |  |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***15*** | ***15*** |  |
| **Tỉ lệ chung** |  | **35** | **15** |

***Lưu ý:***

- Với câu hỏi mức độ nhận biết thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ mô tả cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- Các câu hỏi ở mức độ nhận biết nên kiểm tra bằng dạng câu hỏi TNKQ; các mức độ khác kiểm tra bằng dạng câu hỏi tự luận.

- Với nhiều nội dung ở cùng 01 mức độ nhận thức, lựa chọn nội dung kiểm tra bằng cách chọn dấu \* nghĩa chọn cho trường hợp (hoặc).

- Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết. Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com